

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-PT
Ngày 05 - 3 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến

Bà Lê Thị Mỹ Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Đào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ C – sinh năm 1983

- *Bị đơn:* Ông Trương Văn H – sinh năm 1974

Cùng cư trú tại đội 1, thôn 1, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là ông Trương Văn H.

(Bà C và ông H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2018, khởi kiện bổ sung ngày 10/5/2018, các tài liệu trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Văn H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04/02/2002. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H không có lập trường, không quan tâm lo lắng đến gia đình, vợ con. Bà góp ý nhiều lần nhưng ông H không nghe nhưng vì con nên bà đã nhiều lần bỏ qua. Năm 2017, bà đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H nhưng do ông H hứa sẽ thay đổi nên bà đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không có gì cải thiện, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung là cháu Trương Quốc A - sinh ngày 13/9/2003. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng, nhưng nếu ông H chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đồng thì bà cũng đồng ý. Trường hợp Tòa án giải quyết giao con cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng thì bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đồng theo yêu cầu của ông H. Hiện nay bà đang buôn bán ở Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đồng.

- Về tài sản chung: Bà và ông H có các tài sản chung, gồm: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2494, tờ bản đồ số 3, diện tích 179,1m² tại thôn 1, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 2494) và 01 căn nhà cấp IVA gắn liền với thửa đất nêu trên; 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 tủ thờ gỗ; 01 tủ lạnh; 01 bộ bàn ghế gỗ tròn; 01 xe mô tô Honda Wave RS, biển số 76B1- 024.18; 01 xe mô tô Honda Future, biển số 76U1-173.98; 01 xe mô tô Honda Airblade, biển số 76U1-4093.

Khi ly hôn bà yêu cầu chia đôi số tài sản trên cho bà và ông H, bà yêu cầu được nhận tài sản bằng hiện vật và đồng ý thanh toán ½ giá trị tài sản cho ông H theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt.

Đối với các tài sản chung của vợ chồng mà ông H trình bày, gồm: 01 tủ sắt; 01 dàn karaoke; 01 bếp ga + bình ga thì bà đồng ý giao cho ông H quản lý, sử dụng, bà không yêu cầu chia.

Hiện nay bà đang quản lý, sử dụng xe mô tô Honda Airblade biển số 76U1-4093, ông H đang quản lý, sử dụng xe mô tô Honda Future biển số 76U1-173.98, còn xe mô tô Honda Wave RS biển số 76B1- 024.18 đang gửi ở Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sử dụng chung.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại bản kê khai tài sản đề ngày 20/7/2018, các tài liệu có tài hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị đơn là ông Trương Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ C về quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình bà C lúc thế này, lúc thế khác, vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống. Nay, bà C yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như bà C đã trình bày. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trường hợp Tòa án giao con cho bà C trực tiếp nuôi thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện nay công việc của ông không ổn định, thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000đồng.

- Về tài sản chung:

Ngoài các tài sản như bà C đã kê khai thì vợ chồng ông còn có các tài sản chung gồm: 01 tủ sắt; 01 dàn karaoke; 01 bếp ga + bình ga.

Đối với căn nhà cấp IVA gắn liền với thửa 2494, ông xác định là tài sản chung do vợ chồng xây dựng năm 2004. Riêng quyền sử dụng đất không phải là tài sản chung của vợ chồng mà thuộc quyền sử dụng của ông Trương Nghị (anh ruột của ông) cho vợ chồng ông ở nhờ. Trường hợp, Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Nghị.

Hiện nay ông đang quản lý, sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, biển số 76U1-173.98; bà C đang quản lý, sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 76U1-4093; còn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển số 76B1- 024.18 đang gửi ở Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sử dụng chung.

Ông không thống nhất giá trị các tài sản do bà C đưa ra theo nội dung đơn khởi kiện cũng không thống nhất giá do Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt thực hiện do bà C yêu cầu. Về giá trị tài sản, ông không biết, không cung cấp giá cho Tòa án và cũng không yêu cầu Tòa án định giá.

- Về nợ chung: Không có.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2018/HNGĐ-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Trương Văn H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trương Quốc A - sinh ngày 13/9/2003 (hiện đang ở với bà C và ông H) cho bà C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao cho bà C được quản lý, sử dụng: Thửa đất số 2494, tờ bản đồ số 3, diện tích 179,1m² tại thôn 1, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 330720, sổ vào sổ H00926 do UBND thành phố Q cấp cho hộ ông Trương Nghị ngày 07/01/2009; ngày 03/3/2009 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q

chính lý trang tư theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H, bà C) và căn nhà cấp IVA gắn liền với thửa đất nêu trên; 01 bộ bàn ghế salon gỗ; 01 tủ thờ gỗ; 01 tủ lạnh; 01 bộ bàn ghế gỗ tròn; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển số 76B1-024.18; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 76U1-4093.

3.2. Giao cho ông H quản lý, sử dụng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, biển số 76U1-173.98.

3.3. Bà C có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông H giá trị phần tài sản mà ông H được nhận là 373.721.690 đồng.

3.4. Đối với 01 tủ sắt, 01 dàn karaoke, 01 bếp ga + bình ga: Các đương sự không có tranh chấp và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà C và ông H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 22/11/2018 và ngày 11/12/2018, ông Trương Văn H có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung với nội dung: Hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ C để vợ chồng đoàn tụ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định tại các Điều 285, 286, 287, 294, 298 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Trương Văn H làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung: Tại phiên tòa, ông H không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung. Bà C đồng ý không ly hôn nhưng ông H phải thay đổi tính cách nhưng bà C không đồng ý rút đơn khởi kiện, ông H đồng ý với yêu cầu của bà C. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà C, chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm số 52/2018/HNGĐ-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q theo hướng cho đoàn tụ, phân tài sản chung và con chung, không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Trương Văn H thì thấy rằng: Trong quá trình chung sống, bà C và ông H có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được. Theo ông H nguyên nhân mâu thuẫn là do bà C nói nhiều, còn bà C thì cho rằng do ông H không có lập trường, hay nói xấu vợ. Tại phiên tòa, ông H xác định ông vẫn còn thương yêu bà C và tha thiết mong được đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung. Bà C cũng đồng ý vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông H phải thay đổi tính tình, ông H đồng ý với yêu cầu của bà C, tuy nhiên bà C không đồng ý rút đơn khởi kiện.

Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của bà C về việc yêu cầu ly hôn với ông H.

[2] Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C đối với ông H, nên các yêu cầu về con chung, tài sản chung và nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 8.800.000đồng, tổng cộng là 10.300.000đồng. Bà C phải chịu. Bà C đã tạm nộp và chi phí xong.

[4] Về án phí: Bà C phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.030.000đồng theo biên lai số AA/2016/0003319 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Bà C được hoàn trả số tiền chênh lệch là 13.730.000đồng.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông H 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2018/0000203 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4, Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Trương Văn H.

Sửa bản án số 52/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ C về việc yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn H.

2. Các yêu cầu về con chung, tài sản chung và nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 8.800.000đồng, tổng cộng là 10.300.000đồng. Bà C phải chịu. Bà C đã tạm nộp và chi phí xong.

4. Về án phí: Bà C phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.030.000đồng theo biên lai số AA/2016/0003319 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Bà C được hoàn trả số tiền chênh lệch là 13.730.000đồng.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông H 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2018/0000203 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND TP Q;
- Chi cục THADS TP Q;
- UBND xã N, TP Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan